TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HSST
Ngày: 07-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Huy Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Vũ Thị Xuyến và ông Thái Quang Định.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát V.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Trọng D**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 13/8/1990, tại U, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 5, khu 4, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân Công ty than U; trình độ văn hoá: 12/12; đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C, sinh năm 1959 và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1962; vợ: Tạ Hà G, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/12/2013 bị TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 25/02/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 06/4/1985, tại Uông Bí, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 45A, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân Công ty than U; trình độ văn hoá: 12/12; đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949; vợ: Đinh Thị Th (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/8/2015 TAND thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc"; bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 25/2/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Ngô Thị V**, tên gọi khác: Ngô Thị D; sinh ngày 13/02/1996, tại

Lào Cai. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai; chỗ ở: Tổ 1, khu 5A, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; đoàn thể: Không; dân tộc: Xa Phó; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn S (đã chết) và bà Châu Ngọc L (đã chết); chồng: Lý Sao C (không có đăng ký kết hôn, không còn chung sống cùng nhau) và có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 25/02/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Đặng Văn L**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 21/9/1987, tại U, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: 09/12; đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn L, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; vợ: Đoàn Thị D, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Ngày 07/3/2019 TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Cố ý gây thương tích", tiền sự: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 25/02/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa.

** Những người làm chứng:*

1. Chị Lò Thị H, sinh năm: 2000; địa chỉ: Bản Q, xã P, T, Sơn La, vắng mặt.

2. Chị Ôn Thị T, sinh năm: 1993; địa chỉ: Khu 2, phường Q, TX. Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3. Chị Vi Thị X, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

4. Chị Lê Thị Hương G, sinh năm: 1996; địa chỉ: Tổ 2, phường Q, TP. H, tỉnh Hòa Bình, vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1994; Nơi ĐKHKTT: thôn 10, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Tập thể công ty than U, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1992; Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: tổ 2, khu 6, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

7. Anh Ngô Văn T, sinh năm: 1986; Nơi ĐKHKTT: thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Tập thể công ty than Uông Bí, vắng mặt.

8. Anh Mộng Văn T, sinh năm: 1993; Nơi ĐKHKTT: xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở: tổ 1, khu 5A, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Thế C, sinh năm: 1990; địa chỉ: tổ 3, khu 4, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 24/02/2021, sau khi tan ca làm, Vũ Trọng D, Nguyễn Văn T cùng một số người bạn đi đến quán Karaoke Victory ở tổ 1, khu 5A, phường V, thành phố Uông Bí do vợ chồng anh chị Trần Thị Hương G - Nguyễn Thế C làm chủ để hát. Anh C đã sắp xếp nhóm D vào hát tại phòng VIP 2 của quán và phân công một số nhân V gồm Ngô Thị V (tên gọi khác là Dên), Vi Thị X, Ôn Thị T, Lê Thị Hương G và Lò Thị H phục vụ. D và T có rủ thêm các anh Nguyễn Văn L, Nguyễn Ngọc T, Ngô Văn T đến hát. Hát đến khoảng 14 giờ cùng ngày, D nảy sinh ý định mua ma túy về cho mọi người cùng sử dụng nên có nói với T thì T đồng ý nhưng cả hai không biết mua ma túy ở đâu. V nghe thấy thế liền bảo là V có thể mua giúp. D nhờ V mua giúp 03 V thuốc lắc, 01 gam Ketamine. V liền liên lạc qua ứng dụng Facebook Messenger với Đặng Văn L về việc có khách muốn mua ma túy, số lượng như trên. L báo giá 400.000 đồng/V thuốc lắc, 2.200.000 đồng/01 gam Ketamine và chi phí giao ma túy là 300.000 đồng, tổng số tiền là 3.700.000 đồng, nhắn cho V số tài khoản ngân hàng MBBank của L để nếu đồng ý thì chuyển tiền. V nói lại với D thì D đồng ý mua và chuyển cho L 3.700.000 đồng qua ứng dụng Internet banking. Sau đó, L đi đến quán Karaoke giao ma túy cho V gồm 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 01 túi nilon chứa 03 V thuốc lắc và 01 túi nilon chứa Ketamine. V mang vào phòng hát đưa cho T. T cầm xem hai túi ma túy rồi đưa lại túi Ketamine cho V. Còn T bẻ đôi mỗi V thuốc lắc thành hai nửa, đưa cho H, X, G, D sử dụng, T cũng sử dụng nửa V, nửa V còn lại để đâu không rõ. Sau khi nhận túi Ketamine từ T, V ra quầy lễ tân lấy 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng mang vào phòng, đổ Ketamine vào đĩa và dùng 01 thẻ nhựa màu đen để đánh Ketamine rồi đổ vào 01 cốc nhựa màu trắng trong suốt có sẵn ở phòng hát, mang rửa và cất đĩa sứ về chỗ cũ. Khi quay lại phòng hát đã thấy trong cốc nhựa chứa Ketamine có 01 ống hút được quấn băng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. V cầm cốc đó lên sử dụng ma túy bằng hình thức hít vào mũi, sau đó mời D, T, L, T, H, G, X sử dụng thì có anh T không sử dụng, V để lại cốc ma túy trên bàn để mọi người tự lấy sử dụng. Cả bọn sử dụng ma túy và nghe nhạc đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày thì Tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy - Công an thành phố Uông Bí phối hợp cùng với các lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra quán. Do đang trong thời gian giãn cách phòng chống dịch Covid 19 nên khi thấy cơ quan chức năng đến kiểm tra, sợ bị phạt nên anh C vào phòng hát yêu cầu mọi người dừng hát, đi sang phòng khác ngồi. Còn anh C và anh Mông Văn T là nhân V bưng bê của quán tiến hành dọn dẹp phòng hát đến khoảng 18 giờ cùng ngày mới mở cửa để Tổ công tác vào kiểm tra. Tổ công tác đã L biên bản, đưa 12 người có mặt tại quán về trụ sở để làm việc, lấy lời khai và tiến hành thu giữ mẫu nước tiểu để tiến hành giám định.

Căn cứ lời khai của các đối tượng và các chứng cứ thu thập, Cơ quan điều tra ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bắt giữ D, T, V, L. Thu giữ của D 01 điện thoại Iphone màu trắng - hồng, bên trong lắp sim số 0349.856.188; thu giữ của T 01 điện thoại Nokia vỏ màu đen, bên trong lắp sim số 0933.734.186 và số tiền 80.000 đồng; thu giữ của V 01 điện thoại OPPO vỏ màu đen - trắng, bên trong lắp sim số 0914.160.518 và số tiền 530.000 đồng. Tiến hành khám xét khẩn

cấp nơi ở của Đặng Văn L ở tổ 2, khu H phường P, thành phố U, thu giữ của L 01 điện thoại Samsung vỏ màu trắng - vàng, bên trong lắp sim số 0983.520.611, 01 thẻ ngân hàng SHB, 01 thẻ ngân hàng MB, 01 thẻ căn cước công dân đều mang tên Đặng Văn L. Khám xét khẩn cấp quán Karaoke Victory, theo chỉ dẫn của V, thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, đường kính 15 cm tại quầy lễ tân của quán.

Tại bản Kết luận giám định số 519/KLGĐ ngày 02/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận về kết quả giám định ma túy trong 12 mẫu nước tiểu như sau: Nguyễn Thế C, Mông Văn T, Ngô Văn T: **Không**; Nguyễn Văn T, Vũ Trọng D, Vi Thị X, Lê Thị Hương G, Lò Thị H **có MDMA và Dehydronorketamine**; Ôn Thị T, Ngô Thị D, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn L **có Dehydronorketamine** (Dehydronorketamine là sản phẩm chuyển hóa của Ketamine trong nước tiểu).

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu ở trên. Riêng Ngô Thị V khai D nhờ V mua ma túy chứ không pH V chủ động bảo D về việc biết chỗ bán ma túy để mua giúp D và T. Khi liên lạc mua ma túy của L là mua giúp, không được hưởng lợi nhuận gì. Đặng Văn L còn khai, sau khi nhận được tin nhắn của V, L đã gọi điện cho Đào Văn H, trú tại tổ 4, khu C, phường P, thành phố Uông Bí hỏi mua của H số ma túy trên để bán lại cho V. Khi đến chỗ H thì gặp một người phụ nữ đi đến đưa cho L 03 V thuốc lắc, còn H lấy trong người ra 01 gói Ketamine đưa cho L. L đã chuyển cho H số tiền 3.000.000 đồng mua ma túy qua ứng dụng Internet Banking. Sau đó, L đi đến quán karaoke giao ma túy cho V tại cửa quán. L bán ma túy cho khách của V, không rõ cụ thể là ai, còn V không được chia lợi nhuận gì từ việc L bán ma túy.

Tại Cáo trạng số: 61/CT-VKSUB ngày 11/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo Vũ Trọng D, Nguyễn Văn T, Ngô Thị V về tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Văn L về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, (khoản 2 đối với bị cáo T) Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt Vũ Trọng D từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù, Nguyễn Văn T từ 08 năm đến 09 năm tù, Ngô Thị V từ 08 năm đến 09 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt Đặng Văn L từ 30 đến 36 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt 25/02/2021.

-*Về hình phạt bổ sung*: Đề nghị HĐXX không áp dụng.

-*Về xử lý vật chứng*: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính khoảng 15cm, 03 sim điện thoại có số thuê bao 0349.856.188, 0914.160.518 và 0983.520.611; tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động gồm 01 điện thoại iPhone màu trắng hồng, 01 điện thoại Oppo vỏ màu đen –trắng, 01 điện thoại Samsung vỏ màu trắng - vàng thu giữ của các bị cáo D, V và L; trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Nokia màu đen (kèm theo sim số 0933.734.186) và 80.000 đồng, bị cáo V 530.000 đồng, bị cáo L 01 thẻ ngân hàng SHB, 01 thẻ ngân hàng MB, 01 thẻ căn cước công dân đều mang tên Đặng Văn L, buộc bị cáo L phải nộp lại 3.700.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra V, Viện kiểm sát, kiểm sát V thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra V, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, với lời khai của những người làm chứng, với Biên bản kiểm tra do đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, đội cảnh sát điều tra về kinh tế và chức vụ Công an thành phố Uông Bí phối hợp với Ủy ban nhân dân phường V L hồi 18 giờ 20 phút ngày 24/02/2021, với bản ảnh vật chứng, với biên bản kiểm tra điện thoại di động của các bị cáo Vũ Trọng D, Ngô Thị V và Đặng Văn L, phù hợp với vật chứng thu giữ của các bị cáo, với kết luận giám định ma túy trong mẫu nước tiểu thu giữ của các đối tượng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 24/02/2021, Đặng Văn L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có hành vi bán trái phép 01 gam ma túy, loại Ketamine và 03 V ma túy MDMA với giá 3.700.000 đồng cho nhóm của Vũ Trọng D để Vũ Trọng D, Nguyễn Văn T và Ngô Thị V tổ chức cho Vi Thị X, Lê Thị Hương G, Lò Thị H, Ôn Thị T, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn L sử dụng trái phép chất ma túy trên tại phòng VIP 2 của quán Karaoke Victory thuộc tổ 1, khu 5A, phường V, thành phố U thì bị Công an phát hiện, thu giữ vật chứng. Hành vi

của các bị cáo Vũ Trọng D, Nguyễn Văn T, Ngô Thị V đủ yếu tố cấu thành tội "***Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đặng Văn L đủ yếu tố cấu thành tội: ***"Mua bán trái phép chất ma túy"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là những người đã trưởng thành có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi bị cáo L đã đi mua ma túy của người khác để bán lại kiếm lời, các bị cáo D, T, V chỉ vì ham chơi đua đòi đã cố ý chuẩn bị công cụ, phương tiện, địa điểm để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe, đến nhân cách của người khác. Các bị cáo D, T là những người có nhân thân xấu, bị cáo L đã có tiền án, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, nên cần phải xử lý nghiêm.

* *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Đặng Văn L phạm tội lần này thuộc trường hợp "Tái phạm" nên pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo D, T, V không có tình tiết tăng nặng.

**Tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo T có bố đẻ là người có công với cách mạng, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

* *Xét vai trò và nhân thân của các bị cáo D, T và V thì thấy*: Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò chặt chẽ, các bị cáo phạm tội do đua đòi, bột phát. Tuy nhiên, D là người khởi xướng, bỏ tiền ra nhờ V mua ma túy để mọi người sử dụng nên D giữ vai trò chính trong vụ án. Tiếp đến là bị cáo T đã tiếp nhận ý của D một cách tích cực, nên T sếp vai trò sau D còn V là người mua ma túy hộ D và chuẩn bị đĩa sứ để cả nhóm sử dụng ma túy, nên V giữ vai trò sau cùng. Hai bị cáo D và T là những người có nhân thân xấu, bị cáo V có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS, nên HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo, cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt ngang bằng với bị cáo V.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên. Căn cứ vào nhân thân, hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, chức vụ, nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Đối với 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính khoảng 15cm, 03 sim điện thoại có số thuê bao 0349.856.188, 0914.160.518 và 0983.520.611 là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy; 03 điện thoại di động gồm 01 điện thoại iPhone vỏ màu trắng hồng, 01 điện thoại Oppo vỏ màu đen –trắng, 01 điện thoại Samsung vỏ màu trắng - vàng thu giữ của các bị cáo D, V và L là vật các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại Nokia màu đen (kèm theo sim số 0933.734.186) và 80.000 đồng thu giữ của bị cáo T, 530.000 đồng thu giữ của bị cáo V, 01 thẻ ngân hàng SHB, 01 thẻ ngân hàng MB, 01 thẻ căn cước công dân đều thu giữ của bị cáo L là những tài sản của các bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 3.700.000 đồng bị cáo L bán ma túy cho D, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ để chứng minh việc L đã trả cho H 3.000.000 đồng để mua ma túy, nên buộc bị cáo Đặng Văn L phải nộp lại số tiền trên để nộp Ngân sách Nhà nước.

[5] Những tình tiết khác trong vụ án:

Đối với Đào Văn H quá trình điều tra không thừa nhận hành vi bán ma túy cho L, H khai số tiền L chuyển cho H là tiền L trả nợ. Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định H có hành vi bán trái phép chất ma túy cho L, nên HĐXX không đề cập .

Đối với chị Trần Thị Hương G là chủ quán Karaoke Victory đã để cho các đối tượng lợi dụng nơi quản lý để sử dụng trái phép chất ma túy, các anh, chị Vi Thị X, Lê Thị Hương G, Lò Thị H, Ôn Thị T, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn L có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, các anh chị Trần Thị Hương G, Nguyễn Thế C, Mông Văn T, Ngô Văn T, Vi Thị X, Lê Thị Hương G, Lò Thị Hà, Ôn Thị T, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn L còn bị xử phạt vi phạm hành chính vì vi phạm quy định trong phòng chống dịch Covid 19.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Các bị cáo **Vũ Trọng D, Nguyễn Văn T** và **Ngô Thị V** phạm tội:***"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý";*** bị cáo **Đặng Văn L** phạm tội: ***"Mua bán trái phép chất ma túy".***

1.1 Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Vũ Trọng D 08** năm **06** tháng tù (tám năm sáu tháng), thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/02/2021.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 08** (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/02/2021.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Ngô Thị V 08** (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/02/2021.

1.2 Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đặng Văn L 03** (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/02/2021.

2. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính khoảng 15cm, 03 sim điện thoại có số thuê bao 0349.856.188, 0914.160.518 và 0983.520.611; tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động gồm 01 điện thoại iPhone vỏ màu trắng hồng, 01 điện thoại Oppo vỏ màu đen –trắng, 01 điện thoại Samsung vỏ màu trắng - vàng thu giữ của các bị cáo D, V và L; Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Nokia vỏ màu đen (kèm theo sim số 0933.734.186) và 80.000 đồng, trả lại cho bị cáo V 530.000 đồng, trả lại cho bị cáo L 01 thẻ ngân hàng SHB, 01 thẻ ngân hàng MB, 01 thẻ căn cước công dân đều mang tên Đặng Văn L, nhưng tạm giữ số tiền của bị cáo T và bị cáo V để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Đặng Văn L phải nộp lại số tiền 3.700.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

(Số vật chứng, tài sản trên có tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Trọng D, Nguyễn Văn T, Ngô Thị V và Đặng Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp ngân sách Nhà nước.

4. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
-Cơ quan THA hình sự công an TP Uông Bí;
- Cơ quan điều tra Công an TP Uông Bí;
-Nhà tạm giữ Công an TP.Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Huy Hùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**